

Bản án số: 410/2019/HS-ST

Ngày: 28 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hàn Hòa Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 517/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4826/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị Thu T; sinh năm 1973; tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp Đức Hạnh 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị E; có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 29/11/2018; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T: Luật sư Đỗ Ngọc O, Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Bà Phương Thị Kim C, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khóm 9, Phường 4, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 29/11/2018, tại trước nhà số 45/10 Cao Lỗ, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Quân chúng nhân dân phát hiện Lê Thị Thu T có biểu hiện nghi vấn mua bán trái phép chất ma túy nên đã không chế đưa về công an Phường 5, Quận 8 kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ 01 bịch nylon màu đen bên trong có chứa 06 gói nylon chứa ma túy thể rắn, khối lượng 31,4695 gam, loại Methamphetamine; 01 bốp nylon quấn băng keo màu xanh chứa 11 gói nylon chứa ma túy thể rắn, khối lượng 5,2178 gam, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng là ma túy thể rắn, khối lượng 0,1164 gam, loại Heroine. Ngoài ra còn thu giữ trong người T 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N, tại thời điểm bị bắt quả tang, T khai họ tên Lê Thị N như trong chứng minh nhân dân. Tuy nhiên, tại bản kết luận giám định số: 306/KLGD ngày 22/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Bản in mẫu giấy của “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” cần giám định so với bản in mẫu giấy của “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” dùng làm mẫu so sánh được in ra từ một bộ chế bản.

2. Phát hiện dấu vết thay ảnh trên “GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN” cần giám định.

3. Hình dấu có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP: so với hình dấu có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP” do cùng một con dấu đóng ra.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thị Thu T khai: Khi bị bắt tại Công an Quận 8, T khai báo tên giả là Lê Thị N, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú tại xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Do Thảo biết trước đây, T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố và ra lệnh truy nã trong 01 vụ án mua bán trái phép chất ma túy khác, nên cách ngày bị bắt quả tang một tháng trước, khi đi chơi game bắn cá T nhặt được chứng minh nhân dân tên Lê Thị N, tháo ảnh tên N và thay ảnh của mình vào để sử dụng.

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, T thực hiện như sau: Từ giữa tháng 11/2018 T đã 02 lần mua ma túy đá của đối tượng tên chú B (không rõ lai lịch) tại đường Nguyễn Văn Linh, Quận 7, khối lượng khoảng 50 gam, giá 20.000.000 đồng, chia thành các gói nhỏ để bán lại cho người nghiện từ 250.000 đồng đến 1.200.000 đồng, đã bán được 14 gam, thu lời 500.000 đồng tiêu xài hết. Ngoài ra, T còn khai được người tên H cho 01 gói Heroine, đem cất giấu chung với ma túy đá để bán, chưa kịp bán thì bị bắt.

Ngoài hành vi nêu trên, Lê Thị Thu T còn là bị can trong vụ mua bán trái phép chất ma túy với Vũ Thị Tuyết P và đồng phạm, sau khi bị khởi tố, do nuôi

con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo được tại ngoại nhưng sau đó bỏ trốn và bị truy nã, hành vi cụ thể như sau:

Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2017, tại trước nhà số 548, quốc lộ 1A, phường An lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Lê Thị Thu T đang bán ma túy cho Lâm Quốc B, thu giữ 98,2870 gam, loại Methamphetamine. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại số 769/24E đường Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra thu giữ 02 gói nylon, chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 3,2762g, loại Methamphetamine.

Căn cứ vào lời khai của T, ngày 17/5/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp đối với Vũ Thị Tuyết P là người đã bán ma túy cho Lê Thị Thu T.

Đối với các đối tượng chú B, H không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Tại bản án số 452/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với Vũ Thị Tuyết P 15 năm tù và Lâm Quốc B 08 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 105/KLGD-H ngày 07/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Tinh thể không màu (m1) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 19,8355g, loại Methamphetamine;
- Tinh thể không màu (m2) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 11,6340g, loại Methamphetamine;
- Tinh thể không màu (m3) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 1,6463g, loại Methamphetamine;
- Tinh thể không màu (m4) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 3,1349g, loại Methamphetamine;
- Tinh thể không màu (m5) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,4366g, loại Methamphetamine;
- Bột màu trắng (m6) là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,1164g, loại Heroine.

Bản cáo trạng số 350/Ctr-VKS-P1 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; và tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu

T từ 16 năm tù đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; căn cứ khoản 1 Điều 340; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T từ 01 năm tù đến 02 năm tù về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”; căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt đối với bị cáo, căn cứ Điều 45 Bộ luật hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách chiếc điện thoại bị cáo liên lạc mua bán ma túy.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T trình bày: Thống nhất tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, cha chết, mới học hết 5/12 nên nhận thức pháp luật hạn chế, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2016, số lượng ma túy bán ra không đáng kể. Căn cứ Nghị quyết 41 của Quốc hội và Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nhất trí nội dung bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp: Luật sư chỉ đề nghị xem xét mức án đề nghị của Viện kiểm sát nên thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm.

Kiểm sát viên và Luật sư không tranh luận, đối đáp bổ sung, giữ nguyên quan điểm đã nêu.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thị Thu T: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để cải tạo, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, bản kết luận giám định. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29/11/2018, quần chúng nhân dân phát hiện Lê Thị Thu T có biểu hiện nghi vấn mua bán trái phép chất ma túy nên đã không chế đưa về công an Phường 5, Quận 8. Vật chứng thu giữ 01 bịch nylon màu đen bên trong có chứa 06 gói nlon chứa ma túy thể rắn, khối lượng 31,4695 gam, loại Methamphetamine; 01 bốp nylon quấn băng keo màu xanh chứa 11 gói nylon chứa ma túy thể rắn, khối lượng 5,2178 gam, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng là ma túy thể rắn, khối lượng 0,1164 gam, loại Heroine. Tổng cộng 36,6873 gam, loại Methamphetamine và 0,1164 gam, loại Heroine. Ngoài ra T còn có hành vi mua bán 101,5632 gam loại Methamphetamine trong vụ án cùng với Vũ Thị Tuyết P và Lâm Quốc B đã bị xét xử. Hành vi của bị cáo đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường hợp “có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều này” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khi bị bắt quả tang ngày 29/11/2018, T có giữ trong người 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N, cơ quan điều tra đã làm rõ việc T đã có hành vi gỡ bỏ hình trên giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị N và thay hình của mình vào để sử dụng, hành vi đó đã phạm tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thị Thu T là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự quản lý hành chính gây mất trật tự trị an xã hội, cùng một lúc phạm nhiều tội. Do vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo.

Bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy hưởng lợi nên áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt tiền đối với bị cáo để nộp ngân sách nhà nước. Xét thấy bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên phạt bị cáo 5.000.000 đồng là mức khởi điểm phạt tiền bổ sung.

[5] Xử lý vật chứng: 01 (một) gói niêm phong, ghi vụ số 105/19 bên ngoài có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh T, cán bộ điều tra Trần Bảo C, bên trong là ma túy còn lại sau giám định (35,2374 gam Methamphetamine và 0,0804 gam Heroine) không có giá trị nên tịch thu để tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động Nokia bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy với các đối tượng nghiện nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 340728936 mang tên Lê Thị N nhưng bị cáo T đã thay ảnh của mình nhằm qua mặt cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bị cáo Lê Thị Thu T số tiền 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 06 (sáu) tháng tù về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Lê Thị Thu T phải chấp hành hình phạt chung là: 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2018

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong, ghi vụ số 105/19 bên ngoài có chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh T, cán bộ điều tra Trần Bảo C, bên trong là ma túy còn lại sau giám định (35,2374 gam Methamphetamine và 0,0804 gam Heroine); 01 Giấy chứng minh nhân dân số 340728936 mang tên Lê Thị N.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia của bị cáo Lê Thị Thu T.

(Theo Biên bản giao nhận tang vật số 472/19 ngày 25/9/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị cáo Lê Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự (2)
- Luật sư (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Châu